TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/11/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Bà Lê Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 26, ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp G, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị T trình bày:* Chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai người tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã về các vấn đề trong cuộc sống, chị và anh H đã ly thân từ tháng 04/2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung là cháu Q, sinh ngày 29/11/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh H:* Anh H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T đồng thời đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H và giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011 ngày 28/10/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh H phát sinh mâu thuẫn nhiều vấn đề trong cuộc sống và không thể hàn gắn, hiện nay chị T, anh H đã sống ly thân, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh H. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Q, sinh ngày 29/11/2014, hiện nay cháu đang ở với mẹ nên giao cháu Q cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị T và anh H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Chị T được ly hôn với anh H.

[2] Về con chung: Giao cháu Q, sinh ngày 29/11/2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị T và anh H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 002266 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí chị T phải nộp.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Sỹ Tuân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H.Long Thành.
- Chi cục THA.DS H.Long Thành.
- UBND xã V, huyện T.
- Các đương sự.
- Lưu: HS, VP, BP, TP(H).